

Số: /CTDĐT-VP

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

V/v hướng dẫn xây dựng báo cáo tổng
kết công tác năm 2024 và phương hướng,
nhiệm vụ năm 2025

Kính gửi:

- Thủ trưởng các Phòng, đơn vị thuộc Cục TĐTT;
- Văn phòng Đảng ủy - Công đoàn;
- Văn phòng Ủy ban Olympic Việt Nam;
- Văn phòng Ban Điều phối Đề án 641;
- Đoàn TNCSHCM cơ quan Cục TĐTT.

Để chuẩn bị tổng kết công tác năm 2024 và triển khai công tác năm 2025, Cục Thể dục thể thao yêu cầu thủ trưởng các Phòng, đơn vị thuộc Cục Thể dục thể thao tiến hành tổng kết công tác năm 2024 và triển khai nhiệm vụ năm 2025, với những nội dung cụ thể như sau:

I. Yêu cầu chung:

1. Các Phòng, đơn vị trực thuộc Cục Thể dục thể thao thực hiện nghiêm túc việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2024. Báo cáo cần đánh giá khái quát, tập trung làm rõ những thành tích nổi bật và những hạn chế, tồn tại chính; nêu rõ nguyên nhân, bài học kinh nghiệm và xác định các nhiệm vụ trọng tâm, đề xuất, kiến nghị giải pháp thực hiện năm 2025. Phạm vi báo cáo bao quát toàn diện các hoạt động quản lý nhà nước, phát triển sự nghiệp trong lĩnh vực chuyên ngành được quản lý, theo dõi từ Trung ương đến địa phương. Cần phân tích, đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu phát triển, số liệu cơ bản năm 2024, so sánh kết quả đạt được năm 2023 và dự kiến chỉ tiêu phát triển năm 2025. Việc xây dựng Kế hoạch công tác năm 2025 phải căn cứ vào các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra trong chiến lược, quy hoạch, chương trình phát triển sự nghiệp TĐTT, kế hoạch chuyên môn của đơn vị và nguồn ngân sách dự kiến được giao trong năm 2025 để thực hiện các nhiệm vụ (Có đề cương chi tiết kèm theo).

2. Yêu cầu thủ trưởng các Phòng, đơn vị trực thuộc tiến hành tổng kết công tác năm 2024 và triển khai công tác năm 2025 của đơn vị **trước ngày 31 tháng 12 năm 2024**; chủ động đăng ký nội dung tham luận tại Hội nghị triển khai công tác năm 2025 của Cục Thể dục thể thao.

3. Yêu cầu Phòng Thể dục thể thao cho mọi người, Phòng Thể thao thành tích cao I, II tổng hợp số liệu thống kê TĐTT năm 2024 theo phạm vi chức năng của đơn vị tại Thông tư số 11/2021/TT-BVHTTDL ngày 06/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành văn hóa, thể thao và du lịch, Thông tư số 17/2021/TT-BVHTTDL ngày 28/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chế độ báo

cáo thống kê của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thông tư số 01/2019/TT-BVHTTDL ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về đánh giá phong trào thể dục, thể thao quần chúng và Thông tư số 14/2022/TT-BVHTTDL ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về chế độ báo cáo và quản lý, sử dụng, khai thác hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (có biểu mẫu số **4105, 4106, 4107, 4108, 4109** và **biểu mẫu đánh giá phong trào TDTTQC đính kèm**).

II. Thời hạn hoàn thành:

Yêu cầu các Phòng, đơn vị gửi báo cáo tổng kết công tác năm 2024, phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2025 và gửi nội dung tham luận tại Hội nghị triển khai công tác năm 2025 của Cục Thể dục thể thao về Văn phòng Cục Thể dục thể thao (số 36 Trần Phú, Ba Đình, Hà Nội) trước **14h00 thứ Năm, ngày 05/12/2024** đồng thời gửi qua địa chỉ Email: tonghopvp@tdtt.gov.vn.

***Ghi chú:** Yêu cầu các Phòng thực hiện nghiêm công tác tổng hợp thống kê số liệu thể thao chuyên ngành để phục vụ báo cáo Bộ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu: VT, VP, NTV (30).

CỤC TRƯỞNG

Đặng Hà Việt

ĐỀ CƯƠNG
BÁO CÁO TỔNG KẾT CÔNG TÁC NĂM 2024 VÀ
PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2025
BIỂU MẪU 1

(Biểu mẫu dành chung cho tất cả các Phòng, đơn vị):

CỤC THỂ DỤC THỂ THAO
ĐƠN VỊ BÁO CÁO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /Đơn vị báo cáo-BC

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO
Tổng kết công tác năm 2024
và phương hướng, nhiệm vụ năm 2025

Phần thứ nhất
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2024

I. Khái quát chung:

- Nêu bối cảnh tình hình chung trong năm qua: Những thuận lợi, khó khăn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

II. Kết quả thực hiện nhiệm vụ trọng tâm:

1. Công tác chỉ đạo điều hành của lãnh đạo đơn vị:
2. Công tác xây dựng các đề án, văn bản quy phạm pháp luật và công tác xây dựng ban hành các văn bản quản lý của đơn vị (nếu có).
3. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của đơn vị:
 - 3.1. Đối với các đơn vị khối quản lý nhà nước: Đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước, chuyên môn, công tác Đảng, đoàn thể; Phân tích, đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu phát triển, số liệu cơ bản năm 2024, so sánh với kết quả đạt được năm 2023 và dự kiến chỉ tiêu phát triển năm 2025.

***Một số lưu ý:**

- Phòng Thể dục thể thao cho mọi người và Phòng Thể thao thành tích cao I, II: Ngoài việc báo cáo kết quả thực hiện chuyên môn của Phòng, đề nghị đánh giá toàn diện công tác quản lý nhà nước và phát triển sự nghiệp trong lĩnh vực chuyên ngành được giao quản lý, theo dõi từ Trung ương đến địa phương, những kết quả nổi bật, hạn chế, yếu kém chính trong quản lý nhà nước, phát triển sự nghiệp năm 2024 và phân tích các chỉ tiêu phát triển, số liệu cơ bản năm 2024 so với năm 2023, dự kiến chỉ tiêu phát triển năm 2025. Rà soát, tổng hợp các biểu bảng thống kê năm 2024 và kế hoạch năm 2025 theo lĩnh vực được phân công (có biểu bảng kèm theo).

- Phòng Tổ chức cán bộ đánh giá thêm tình hình hoạt động của các Liên đoàn, hiệp hội thể thao quốc gia, những kết quả đạt được, hạn chế, yếu kém, khó khăn trong cơ chế phối hợp, giải pháp khắc phục.

- Phòng Hợp tác quốc tế tổng hợp thêm số lượng thỏa thuận với các quốc gia trên thế giới trong năm 2024. Trên cơ sở đó đánh giá tình hình các chương trình, thỏa thuận, ghi nhớ ký kết hợp tác về thể dục thể thao đối với quốc tế (ghi rõ trích yếu văn bản, thời gian, nội dung hợp tác, tiến độ triển khai, khó khăn, thuận lợi, đề xuất, kiến nghị). Rà soát, tổng hợp các biểu bảng thống kê năm 2024 và kế hoạch năm 2025 theo lĩnh vực được phân công (theo các phụ lục kèm theo).

3.2. Đối với các đơn vị sự nghiệp: Đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ chính trị, chuyên môn, công tác Đảng, đoàn thể. Phân tích, đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu phát triển, số liệu cơ bản năm 2024, so sánh với kết quả đạt được năm 2023 và dự kiến chỉ tiêu phát triển năm 2025. Đánh giá tình hình thanh quyết toán, giải ngân kinh phí trong năm 2024 (kinh phí chi thường xuyên, xây dựng cơ bản).

III. Đánh giá chung:

- Thành tích nổi bật.
- Hạn chế, tồn tại.
- Nguyên nhân
- Bài học kinh nghiệm.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2025

I. Phương hướng, mục tiêu, chỉ tiêu:

1. Phương hướng:
2. Mục tiêu:
3. Chỉ tiêu:

II. Nhiệm vụ trọng tâm

III. Nhiệm vụ cụ thể và dự toán kinh phí:

IV. Giải pháp thực hiện:

V. Đề xuất và kiến nghị:

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Cục TDTT;
- Văn phòng, Phòng Kế hoạch, Tài chính;
- Lãnh đạo Phòng, đơn vị làm báo cáo;
- Các phòng, ban thuộc đơn vị làm báo cáo;
- Lưu: VT, TH đơn vị, chuyên viên làm báo cáo.

Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Văn A

BIỂU MẪU 2

(Dành cho Phòng TDTT cho mọi người)

I. SỐ LIỆU VỀ TDTT CHO MỌI NGƯỜI (Phục vụ công tác thống kê năm 2024 báo cáo Bộ):

STT	Nội dung	Năm 2024	Dự kiến năm 2025
1	Số người tập thể dục, thể thao thường xuyên	%	%
2	Số gia đình tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên	%	%
3	Số câu lạc bộ thể dục, thể thao		
4	Số công tác viên thể dục, thể thao		
5	Về Giáo dục thể chất và thể thao trong trường học - Số trường học đảm bảo chương trình giáo dục thể chất - Tỷ lệ học sinh, sinh viên thực hiện chương trình giáo dục thể chất chính khóa - Tỷ lệ học sinh, sinh viên tham gia tập luyện thể dục, thể thao ngoại khóa	% % %	% % %
6	Về Thể dục, Thể thao trong lực lượng vũ trang: - Tỷ lệ cán bộ, chiến sỹ tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên: - Tỷ lệ cán bộ, chiến sỹ đạt tiêu chuẩn rèn luyện thể lực:	% %	% %
7	Tổng số huy chương quốc gia đã trao tại các giải thể dục thể thao quần chúng, hội thi thể thao....HCV,HCB,HCDHCV,HCB,HCD
8	Số vận động viên cấp cao: - Cấp kiện tướng: - Cấp 1:		
9	Số vận động viên được tập trung đào tạo (nếu có):		

	- Vận động viên trẻ (nếu có):		
10	Số huy chương quốc tế đạt được:		
	- Số huy chương quốc tế đạt được:HCV,HCB,HCDHCV,HCB,HCD
	- Tổng số Huy chương đã trao tại các giải vô địch, vô địch trẻ và các giải khác tổ chức tại Việt Nam:HCV,HCB,HCDHCV,HCB,HCD

II. SỐ LIỆU THỐNG KÊ ĐÁNH GIÁ PHONG TRÀO THỂ DỤC, THỂ THAO QUẦN CHÚNG (Theo Thông tư số 01/2019/TT-BVHTTDL ngày 17/01/2019)

T	Nội dung	Chỉ số năm liền trước năm đánh giá	Chỉ số năm đánh giá	Chỉ số phần đầu năm đánh giá	Tỷ lệ so sánh	
					(e) = (d)-(c)	(g) = (d):(đ) x 100(%)
(a)	(b)	(c)	(d)	(đ)	(e)	(g)
I	Số người tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên					
1.1	Tổng số dân trên địa bàn					
1.2	Tổng số người tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên					
1.3	Tỷ lệ % = (Tổng số người tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên/ tổng số dân trên địa bàn) x 100 (%)					
II	Số gia đình thể thao					
2.1	Tổng số hộ gia đình trên địa bàn					
2.2	Tổng số gia đình thể thao					

2.3	Tỷ lệ % = (Tổng số gia đình thể thao/ tổng số hộ gia đình trên địa bàn) x 100 (%)					
III	Số cộng tác viên thể dục, thể thao					
3.1	Tổng số cộng tác viên thể dục, thể thao thực hiện nhiệm vụ được giao					
3.2	Tỷ lệ % = (tổng số cộng tác viên thể dục, thể thao/tổng số dân trên địa bàn) x 100 (%)					
IV	Số câu lạc bộ thể thao					
4.1	Tổng số câu lạc bộ thể thao cơ sở ở khu dân cư					
4.2	Tổng số câu lạc bộ thể thao cơ sở ở cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp					
4.3	Tổng số cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao trên địa bàn.					
4.4	Tổng số câu lạc bộ thể thao cơ sở và cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao trên địa bàn (tổng các mục 4.1; 4.2 và 4.3)					
V	Số công trình thể thao					
5.1	Tổng số nhà tập luyện, nhà thi đấu thể thao (tổng các mục 5.1.1 và 5.1.2)					
5.1.1	Tổng số nhà tập luyện, thi đấu thể thao đa năng					
5.1.2	Tổng số nhà tập luyện, thi đấu thể thao đơn môn					
5.2	Tổng số bể bơi (tổng các mục 5.2.1; 5.2.2 và 5.2.3)					
5.2.1	Tổng số bể bơi có chiều dài 50 mét					
5.2.2	Tổng số bể bơi có chiều dài					

	25 mét					
5.2.3	Tổng số các loại bể bơi khác					
5.3	Tổng số sân tập luyện, thi đấu thể thao ngoài trời (tổng các mục 5.3.1: 5.3.2; 5.3.3; 5.3.4; 5.3.5; 5.3.6; 5.3.7 và 5.3.8)					
5.3.1	Tổng số sân vận động có khán đài					
5.3.2	Tổng số sân vận động không khán đài					
5.3.3	Tổng số sân bóng đá mi ni					
5.3.4	Tổng số sân bóng chuyền					
5.3.5	Tổng số sân bóng rổ					
5.3.6	Tổng số sân cầu lông					
5.3.7	Tổng số sân quần vợt					
5.3.8	Tổng số các loại sân tập luyện, thi đấu thể thao khác					
5.4	Tổng số công trình thể thao đang sử dụng cho hoạt động thể dục, thể thao trên địa bàn (tổng các mục 5.1; 5.2 và 5.3)					
VI	Số giải thể thao tổ chức hàng năm					
6.1	Tổng số giải thể thao quần chúng do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tổ chức:					
6.2	Tổng số giải thể thao quần chúng do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tổ chức					
6.3	Tổng số giải thể thao quần chúng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tổ chức					
6.4	Tổng số giải thể thao quần chúng do cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, trường học, đơn vị lực lượng vũ trang và					

	các tổ chức khác tổ chức					
6.5	Tổng số giải thể thao quần chúng được tổ chức trên địa bàn (tổng các mục 6.1; 6.2; 6.3 và 6.4)					

III. SỐ LIỆU VỀ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO CHUYÊN NGÀNH:

1. Kết quả thi đấu các giải quốc tế năm 2024: Số lượng HCV, HCB, HCD.
2. Tổng số cán bộ, HLV, trọng tài, cộng tác viên, hướng dẫn viên được đi dự các lớp đào tạo do Cục TDTT, các Liên đoàn, Hiệp hội thể thao quốc gia tổ chức:
3. Tổng số lớp, số học viên tham dự do địa phương tổ chức:
4. Tổng số giải thi đấu thể dục thể thao cho mọi người năm 2024 do địa phương tổ chức:
5. Liệt kê khoảng 10-15 hoạt động thể dục thể thao cho mọi người tiêu biểu tổ chức năm 2024 do Trung ương và địa phương tổ chức:
6. Số lượng VĐV vượt qua vũng lặn Paralympic và kết quả tham dự Paralympic Paris:

**Ghi chú: Số liệu báo cáo năm 2024 tính từ 01/01/2024 đến hết ngày 31/12/2024 (riêng kết quả tham dự thi đấu các giải thể thao quốc tế năm 2024 tính đến thời điểm lập báo cáo).*

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP TDTT CHO MỌI NGƯỜI NĂM 2024 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025:

A. Tổng hợp hoạt động TDTT cho mọi người năm 2024:

TT	Nội dung	Địa điểm	Thời gian
I. Tập huấn, thi đấu nước ngoài năm 2024			
1			
2			
3			
.....			
II. Tổ chức lớp bồi dưỡng, tập huấn năm 2024			
1			
2			
3			
.....			
III. Tổ chức Hội thi và giải thi đấu thể thao trong nước năm 2024			
1			
2			
3			
.....			

IV. Tổ chức các giải thể thao quốc tế tại Việt Nam năm 2024 (nếu có)			

B. Kế hoạch năm 2025:

TT	Nội dung	Địa điểm	Thời gian
I. Tập huấn, thi đấu nước ngoài năm 2025			
1			
2			
3			
.....			
II. Tổ chức lớp bồi dưỡng, tập huấn năm 2025			
1			
2			
3			
.....			
III. Tổ chức Hội thi và giải thi đấu thể thao trong nước năm 2025			
1			
2			
3			
.....			
IV. Tổ chức các giải thể thao quốc tế tại Việt Nam năm 2025 (nếu có)			

BIỂU MẪU SỐ 3

(Dành cho Phòng Thể thao thành tích cao I, II)

I. SỐ LIỆU THỂ THAO THÀNH TÍCH CAO (Phục vụ công tác thống kê năm 2024):

1. Thống kê số lượng vận động viên, trọng tài, huấn luyện viên (*Kèm theo biểu mẫu số 4105*).
2. Thống kê số Huy chương thi đấu quốc tế (huy chương nội dung cá nhân và nội dung tập thể - *Kèm theo biểu mẫu số 4107A và 4107B*).
3. Số huy chương thi đấu quốc gia (*Kèm theo biểu mẫu số 4108*).

II. SỐ LIỆU VỀ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO CHUYÊN NGÀNH (Phục vụ báo cáo năm 2024):

1. Tổng số huy chương quốc tế năm 2024: ... HCV, ... HCB, HCD (trong đó: ... HCV,HCB, ... HCD các giải thế giới; ... HCV, ... HCB, ... HCD các giải châu Á; HCV, HCB, HCD các giải Đông Nam Á; HCV, ... HCB, ... HCD các giải quốc tế mở rộng khác-nếu có).
2. Tổng số huy chương quốc gia đã trao tại các giải vô địch, vô địch trẻ quốc gia và các giải thể thao khác tổ chức tại Việt Nam:HCV,HCB,HCD.
3. Tổng số cán bộ, trọng tài, huấn luyện viên, vận động viên tham gia lớp tập huấn, bồi dưỡng do Trung ương tổ chức:
4. Tổng số các đội tuyển quốc gia tập huấn năm 2024 tại các Trung tâm HLTTQG và Trường Đại học TDTTBN (Ghi rõ số đội tuyển, số chuyên gia, số huấn luyện viên, số vận động viên, số y tá, bác sỹ phục vụ):
5. Tổng số các đội tuyển trẻ quốc gia tập huấn năm 2024 tại các Trung tâm HLTTQG và Trường Đại học TDTTBN (Ghi rõ số đội tuyển trẻ, số chuyên gia, số huấn luyện viên, số vận động viên, số y tá, bác sỹ phục vụ):
6. Liệt kê danh sách 15-20 vận động viên giành thành tích xuất sắc tại các giải thể thao quốc tế năm 2024 (Ghi rõ họ và tên vận động viên, môn, đạt huy chương gì, cấp độ giải?):
7. Tổng số cán bộ, HLV, trọng tài được cử đi dự các lớp đào tạo tại nước ngoài:
8. Tổng số chuyên gia đang làm việc tại Việt Nam: số lượng, số nước, số môn có sử dụng chuyên gia.
9. Số lượng VĐV vượt qua vũng lầy Olympic và kết quả tại Olympic Paris so với thành tích tốt nhất của VĐV:

***Ghi chú: Số liệu báo cáo năm 2024 tính từ 01/01/2024 đến hết ngày 31/12/2024 (riêng kết quả tham dự thi đấu các giải thể thao quốc tế năm 2024 tính đến thời điểm lập báo cáo).**

III. TỔNG HỢP SỐ LIỆU, CHỈ TIÊU CƠ BẢN VỀ THỂ THAO THÀNH TÍCH NĂM 2024 VÀ DỰ KIẾN NĂM 2025.

STT	Nội dung	Năm 2024	Dự kiến năm 2025
1.	Số vận động viên cấp cao:		
2.	- Cấp kiện tướng:		
3.	- Cấp 1:		
4.	Số vận động viên được tập trung đào tạo:		
	- Vận động viên trẻ:		
5.	Số huy chương đạt được:		
	- Số huy chương quốc tế đạt được:HCV,HCB,HCDHCV,HCB,HCD
	- Tổng số Huy chương đã trao tại các giải vô địch, vô địch trẻ và các giải khác tổ chức tại Việt Nam :HCV,HCB,HCDHCV,HCB,HCD

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP THỂ THAO THÀNH TÍCH CAO NĂM 2024 VÀ 2025:

A. Tổng hợp hoạt động TTTTC năm 2024:

TT	Nội dung	Địa điểm	Thời gian
I. Thi đấu nước ngoài năm 2024:			
1			
2			
3			
.....			
II. Tập huấn nước ngoài năm 2024:			
1			
2			
3			
....			
III. Tổ chức lớp bồi dưỡng năm 2024:			
1			
2			
3			
.....			
IV. Tổ chức giải thi đấu thể thao trong hệ thống thi đấu quốc gia năm 2024:			

1			
2			
3			
.....			
V. Tổ chức giải quốc tế tại Việt Nam năm 2024:			
1			
2			
3			
.....			

B. Kế hoạch năm 2025:

TT	Nội dung	Địa điểm	Thời gian
I. Thi đấu nước ngoài năm 2025:			
1			
2			
3			
.....			
II. Tập huấn nước ngoài năm 2025:			
1			
2			
3			
....			
III. Tổ chức lớp bồi dưỡng năm 2025:			
1			
2			
3			
.....			
IV. Tổ chức giải thi đấu thể thao trong hệ thống thi đấu quốc gia năm 2025:			
1			
2			
3			
.....			
V. Tổ chức giải quốc tế tại Việt Nam năm 2025:			
1			
2			
3			
.....			

Biểu mẫu số 4
(Dành cho Phòng Hợp tác quốc tế)

A. SỐ LIỆU VỀ HỢP TÁC QUỐC TẾ NĂM 2024:

- Tổng số chương trình, thoả thuận, ghi nhớ ký kết hợp tác về thể dục thể thao đối với quốc tế (ghi rõ trích yếu văn bản, thời gian, nội dung hợp tác):
- Tổng số đoàn, đội thể thao đi công tác nước ngoài:

B. HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI VỀ THỂ DỤC THỂ THAO NĂM 2024:

STT	Tên đoàn	Quốc gia	Thời gian
A. Đoàn vào:			
1			
2			
3			
4			
5			
6			
B. Đoàn ra:			
1			
2			
3			
4			
5			

C. KẾ HOẠCH ĐỐI NGOẠI VỀ THỂ DỤC THỂ THAO NĂM 2025:

STT	Tên đoàn	Quốc gia	Thời gian
A. Đoàn vào:			
1			
2			
3			
4			
5			
6			
B. Đoàn ra:			
1			
2			
3			
4			
5			

**Ghi chú: Yêu cầu các Phòng thực hiện nghiêm công tác tổng hợp thống kê số liệu thể thao chuyên ngành để phục vụ báo cáo Bộ.*

Biểu số: 4105.N/TDĐT-
TCTDĐT
Ban hành kèm theo
Thông tư số
17/2021/TT-
BV+J9+A1:T16

**SỐ VẬN ĐỘNG VIÊN, TRỌNG TÀI,
HUẤN LUYỆN VIÊN
Năm ...**

Đơn vị báo cáo:
Cục Thể dục thể thao
Đơn vị nhận báo cáo:
Vụ Kế hoạch, Tài chính

Đơn vị tính: người

Chỉ tiêu	Mã số	Vận động viên								Trọng tài				Huấn luyện viên					
		Tổng số	Trong đó							Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó				
			Nữ	Kiện tướng		Cấp I		Cấp II			Nữ	Cấp Quốc tế	Cấp Quốc gia		Nữ	HLV cao cấp (hạng I)	HLV chính (hạng II)	HLV (hạng III)	Hướng dẫn viên (hạng IV)
Tổng số	Số nữ	Tổng số		Số nữ	Tổng số	Số nữ	Tổng số	Số nữ											
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Tổng số	1																		
Chia theo môn																			
Aerobic	2																		
...	...																		
Chia theo tỉnh, thành phố (Ghi theo danh mục đơn vị hành chính)																			
An Giang	...																		
...	...																		

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm.....
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Người lập biểu(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu(Ký, họ tên)

*Ngày ... tháng ... năm.....***Thủ trưởng đơn vị**(Ký, đóng dấu, họ tên)

Chia theo tỉnh, thành phố <i>(Ghi theo danh mục đơn vị hành chính)</i>																	
An Giang	...																
...	...																

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm.....
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm.....
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Người lập biểu(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu(Ký, họ tên)

*Ngày ... tháng ... năm.....***Thủ trưởng đơn vị**(Ký, đóng dấu, họ tên)